

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 19-5-2026.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tư và bà Phan Thị Huệ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Điều Smi, là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 220/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1984.

CCCD số: 045184005269.

Địa chỉ: **Bon S, xã Q, tỉnh Lâm Đồng.**

Bị đơn: Anh **Trần Văn K**, sinh năm 1983.

CCCD số: 036083016806

Địa chỉ: **Bon S, xã Q, tỉnh Lâm Đồng.**

Chị **Nguyễn Thị O** và anh **Trần Văn K** đều đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 10-4-2026 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Nguyễn Thị O** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đăng ký kết hôn với anh **Trần Văn K** ngày 05 tháng 4 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống, giữa chúng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng với anh **K** không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh **Trần Văn K**.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi có 03 con chung là **Trần Nguyễn Gia A**, sinh ngày 17-10-2014, **Trần Nguyễn Khánh A1**, sinh ngày 05-3-2016 và **Trần Nguyễn Phú A2**, sinh ngày 22-4-2022. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng **Trần Nguyễn Gia A** và **Trần Nguyễn Khánh A1** đến tuổi trưởng thành. Yêu cầu anh **Trần Văn K** cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.500.000 đồng/con chung/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tôi đồng ý giao con chung **Trần Nguyễn Phú A2**, sinh ngày 22-4-2022 cho anh **Trần Văn K** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con **Trần Nguyễn Phú A2** số tiền 3.500.000 đồng/tháng, vào ngày 01 hàng tháng kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Trần Văn K:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đăng ký kết hôn với chị **Nguyễn Thị O** ngày 05 tháng 4 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống tại nhà riêng, không ở chung với cha mẹ hai bên. Quá trình chung sống giữa tôi và chị **O** không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, khoảng cuối năm 2025 chị **O** đã chuyển ra ở riêng. Tết năm 2026, tôi có đón **O** về nhưng sau đó khoảng 01 tháng thì chị **O** lại tiếp tục đến ở nhà tại xã K cho đến nay. Theo tôi, mâu thuẫn giữa tôi và chị **O** xuất phát từ việc có vài lần chị **O** đi cùng bạn bè nhưng không thông báo cho tôi đi với ai, ở đâu, khi nào về nên sau 9 giờ tối thì tôi đã đóng cửa không cho chị **O** vào nhà. Việc làm này của tôi thứ nhất là do chúng tôi có nhà ở xã K, chị **O** có thể về đó, tránh làm ảnh hưởng đến các con. Ngoài ra, là một người chồng, tôi cần có biện pháp để bảo vệ gia đình mình. Nay chị **O** xin ly hôn với tôi, tôi là người theo đạo Thiên Chúa giáo, không được phép ly hôn. Vì vậy, tôi không có ý kiến gì đối với việc xin ly hôn của chị **O**.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi có 03 con chung là **Trần Nguyễn Gia A**, sinh ngày 17-10-2014, **Trần Nguyễn Khánh A1**, sinh ngày 05-3-2016 và **Trần Nguyễn Phú A2**, sinh ngày 22-4-2022. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng **Trần Nguyễn Phú A2** đến tuổi trưởng thành. Tôi đồng ý giao **Trần Nguyễn Gia A** và **Trần Nguyễn Khánh A1** cho chị **O** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung **Trần Nguyễn Gia A** và **Trần Nguyễn Khánh A1** mỗi con 3.500.000đ/tháng vào ngày 01 hàng tháng kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên không có trình bày tại phiên tòa.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Các đương sự đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị O. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O được ly hôn với anh Trần Văn K. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Trần Nguyễn Gia A, sinh ngày 17-10-2014 và Trần Nguyễn Khánh A1, sinh ngày 05-3-2016 cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh K cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 3.500.000 đồng/tháng đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao con chung Trần Nguyễn Phú A2, sinh ngày 22-4-2022 cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị O cấp dưỡng nuôi con 3.500.000 đồng/tháng đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng*: Căn cứ đơn khởi kiện và trình bày của chị Nguyễn Thị O, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Văn K và giải quyết về con chung, đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trần Văn K, là bị đơn cư trú tại Bon S, xã Q, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27-6-2025

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị O** và anh **Trần Văn K** tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 4 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Anh chị thừa nhận, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Cuối năm 2025, chị **O** và anh **K** đã ở riêng do không tìm được tiếng nói chung. Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng đã tổ chức phiên hòa giải nhưng anh chị không đoàn tụ được. Xét thấy chị **O**, anh **K** nảy sinh mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau, nay không thể hàn gắn chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 3 điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị O** đối với anh **Trần Văn K**.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh **Trần Văn K** và chị **Nguyễn Thị O** có 03 con chung là **Trần Nguyễn Gia A**, sinh ngày 17-10-2014, **Trần Nguyễn Khánh A1**, sinh ngày 05-3-2016 và **Trần Nguyễn Phú A2**, sinh ngày 22-4-2022. Anh **K** và chị **O** đã thống nhất được tại phiên hòa giải ngày 28 tháng 4 năm 2026, cụ thể:

Chị **Nguyễn Thị O** được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng **Trần Nguyễn Gia A** và **Trần Nguyễn Khánh A1** đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh **Trần Văn K** cấp dưỡng nuôi con chung 3.500.000 đồng/con chung/tháng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh **Trần Văn K** được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng **Trần Nguyễn Phú A2** đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị **Nguyễn Thị O** cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.500.000 đồng/tháng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Anh **K** và chị **O** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] *Về án phí:* Anh **Nguyễn Thị O** tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27-6-2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị O** đối với anh **Trần Văn K**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị O** được ly hôn với anh **Trần Văn K**.
2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung của chị **Nguyễn Thị O** và anh **Trần Văn K** là **Trần Nguyễn Gia A**, sinh ngày 17-10-2014 và **Trần Nguyễn Khánh A1**, sinh ngày 05-3-2016 cho chị **Nguyễn Thị O** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh **Trần Văn K** cấp dưỡng nuôi con **Trần Nguyễn Gia A** 3.500.000 đồng/tháng; **Trần Nguyễn Khánh A1** 3.500.000 đồng/ tháng, vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao con chung của chị **Nguyễn Thị O** và anh **Trần Văn K** là **Trần Nguyễn Phú A2**, sinh ngày 22-4-2022 cho anh **Trần Văn K** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị **Nguyễn Thị O** cấp dưỡng nuôi con **Trần Nguyễn Phú A2** 3.500.000 đồng/tháng, vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị O** tự nguyện chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006814 ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng;
- UBND xã Quảng Tín, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hà

